

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2010/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 10 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản
nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính Quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2010/NQ-HĐND ngày 29/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1688/STC-QLGCS ngày 17/9/2010 về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý; ý kiến thẩm định văn bản quy phạm pháp luật của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 122/BC-STP ngày 08/9/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 237/2008/QĐ-UBND ngày 15/8/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định tạm thời việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước thuộc tỉnh quản lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và

Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Hué

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 23/2010/QĐ-UBND ngày 11/10/2010
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý; gồm:

1.1/ Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

1.2/ Quyền sử dụng đất đối với đất dùng để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

1.3/ Máy móc, phương tiện vận tải (phương tiện đi lại, vận chuyển có gắn động cơ), trang thiết bị làm việc và các tài sản khác do pháp luật quy định.

2. Riêng việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị vũ trang nhân dân đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định của Chính phủ, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước thuộc tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước.

2. Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc tỉnh quản lý (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước nhằm đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được thực hiện theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc phân cấp phù hợp với quy định về phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách nhà nước, đáp ứng với tình hình thực tế và yêu cầu công tác quản lý tài sản nhà nước hiện nay của tỉnh.

2. Tài sản nhà nước được đầu tư, trang bị, mua sắm đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ; đảm bảo tiết kiệm, có hiệu quả. Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được thực hiện công khai, minh bạch; sử dụng đúng mục đích; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải được xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

3. Việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là để tạo điều kiện và nâng cao năng lực quản lý cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với tài sản nhà nước. Đồng thời tăng cường thực hiện công tác giám sát, hướng dẫn, kiểm tra của các cấp, các ngành cũng như các cơ quan, tổ chức, đơn vị về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 4. Nội dung phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Quyết định phương thức đầu tư xây dựng trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất và cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Quyết định mua sắm tài sản.

3. Quyết định thuê tài sản.

4. Quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản.

5. Quyết định thu hồi tài sản.

6. Quyết định điều chuyển tài sản.

7. Quyết định bán tài sản.

8. Quyết định thanh lý tài sản.

9. Quyết định tiêu hủy tài sản.

10. Quyết định giao tài sản; sử dụng tài sản vào mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ; cho thuê; liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính.

Chương II

QUẢN LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CHƯA TỰ CHỦ TÀI CHÍNH

Điều 5. Quyết định đầu tư xây dựng trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp

Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quyết định mua sắm tài sản nhà nước

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm:

1.1/ Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

1.2/ Ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng;

1.3/ Máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác có giá trị mua mới (100%) từ 200 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý;

2. Thủ trưởng Sở, Ban ngành tỉnh và cấp tương đương quyết định mua sắm:

2.1/ Tài sản là xe mô tô (trừ xe mô tô đặc chủng) theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định;

2.2/ Máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác có giá trị mua mới (100%) dưới 200 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định mua sắm:

3.1/ Tài sản là xe mô tô (trừ xe mô tô đặc chủng) theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định;

3.2/ Máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác có giá trị mua mới (100%) dưới 200 triệu đồng /1 đơn vị tài sản (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở đề nghị của cơ quan Tài chính và các cơ quan liên quan cùng cấp.

4. Việc mua sắm tài sản là trụ sở làm việc, xe ô tô từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; từ nguồn vốn huy động theo chế độ quy định phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp hoặc sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đơn vị thì thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ vào kế hoạch, dự toán, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tiêu chuẩn, định mức sử dụng, chế độ công khai và nhu cầu cần thiết phục vụ hoạt động của đơn vị để quyết định việc mua sắm tài sản cho phù hợp; bảo đảm tiết kiệm và có hiệu quả.

Điều 7. Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan; Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thuê tài sản là trụ sở làm việc và các tài sản khác phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý có giá trị một lần thuê từ 100 triệu đồng trở lên.

2. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức và dự toán ngân sách hàng năm được giao; Thủ trưởng Sở, Ban ngành tỉnh và cấp tương đương quyết định thuê tài sản là trụ sở làm việc và các tài sản khác phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị một lần thuê dưới 100 triệu đồng.

3. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan Tài chính và các cơ quan liên quan cùng cấp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thuê tài sản là trụ sở làm việc và các tài sản khác phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị một lần thuê dưới 100 triệu đồng.

Điều 8. Quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản nhà nước

1. Việc sửa chữa, bảo dưỡng trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất; cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm quyền quyết định như sau:

1.1/ Trường hợp sử dụng từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng;

1.2/ Trường hợp sử dụng từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước:

a) Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng từ 100 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản/1 lần sửa chữa, bảo dưỡng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan;

b) Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản/1 lần sửa chữa, bảo dưỡng do Thủ trưởng Sở, Ban ngành tỉnh và cấp tương đương quyết định đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở đề nghị của cơ quan Tài chính và các cơ quan liên quan cùng cấp.

2. Việc sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện đi lại, vận chuyển có gắn động cơ; máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm quyền quyết định như sau:

2.1/ Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng từ 100 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản/1 lần sửa chữa, bảo dưỡng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan;

2.2/ Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản/1 lần sửa chữa, bảo dưỡng do Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh và cấp tương đương quyết định đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

2.3/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở đề nghị của cơ quan Tài chính và các cơ quan liên quan cùng cấp.

3. Việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này chỉ được thực hiện nếu kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng không vượt 70% so với giá trị thực tế của tài sản tại thời điểm thực hiện việc sửa chữa, bảo dưỡng.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước có trách nhiệm quy định chế độ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản thuộc phạm vi quản lý phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 9. Quyết định thu hồi tài sản nhà nước; quản lý, xử lý tài sản nhà nước thu hồi

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi:

1.1/ Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý;

1.2/ Ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng;

1.3/ Máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác có giá trị mua sắm ban đầu từ 100 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý;

1.4/ Tài sản khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý; tài sản của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố sử dụng sai mục đích, lãng phí, thiếu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng nhưng chưa được xử lý.

2. Thủ trưởng Sở, Ban ngành tỉnh và cấp tương đương quyết định thu hồi:

2.1/ Tài sản là xe mô tô (trừ xe mô tô đặc chủng) của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

2.2/ Máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác có giá trị mua sắm ban đầu dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

3. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan Tài chính cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thu hồi:

3.1/ Trụ sở làm việc và các tài sản gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

3.2/ Tài sản là xe mô tô (trừ xe mô tô đặc chủng) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

3.3/ Máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

3.4/ Tài sản khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện quản lý sử dụng sai mục đích, lãng phí, thiếu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng nhưng chưa được xử lý.

Điều 10. Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển:

1.1/ Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý;

1.2/ Ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý;

1.3/ Máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý;

1.4/ Ô tô, tàu thủy, mô tô (bao gồm cả mô tô đặc chủng); máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác giữa các Sở, Ban ngành tỉnh; giữa Sở, Ban ngành tỉnh với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; giữa Ủy ban nhân dân huyện, thành phố với nhau;

2. Thủ trưởng Sở, Ban ngành tỉnh và cấp tương đương quyết định điều chuyển:

2.1/ Tài sản là xe mô tô (trừ xe mô tô đặc chủng) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

2.2/ Máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan Tài chính và các cơ quan liên quan cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định điều chuyển:

3.1/ Tài sản là xe mô tô (trừ xe mô tô đặc chủng) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

3.2/ Máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Quyết định bán tài sản nhà nước

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán (bao gồm cả chuyển nhượng quyền sử dụng đất - nếu có) đối với:

1.1/ Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

1.2/ Ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

1.3/ Máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác có giá trị mua ban đầu từ 100 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh và cấp tương đương quyết định bán đối với:

2.1/ Tài sản là xe mô tô (trừ xe mô tô đặc chủng) của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

2.2/ Máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác có giá trị mua ban đầu dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

3. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan Tài chính và các cơ quan liên quan cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tỉnh quyết định bán:

3.1/ Tài sản là xe mô tô (trừ xe mô tô đặc chủng) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

3.2/ Máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác có giá trị mua ban đầu dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện quản lý.

Điều 12. Quyết định thanh lý tài sản nhà nước

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với:

1.1/ Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản trở lên của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý;

1.2/ Ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý đối với trụ sở làm việc và các tài sản gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý;

3. Thủ trưởng Sở, Ban ngành tỉnh và cấp tương đương quyết định thanh lý đối với:

3.1/ Tài sản là xe mô tô (trừ xe mô tô đặc chủng) của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

3.2/ Máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan Tài chính và các cơ quan liên quan cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện quản lý; gồm:

4.1/ Tài sản là xe mô tô (trừ xe mô tô đặc chủng);

4.2/ Máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản thuộc huyện quản lý.

Điều 13. Quyết định tiêu huỷ tài sản nhà nước

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu huỷ đối với tài sản có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản trở lên của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý.

2. Thủ trưởng Sở, Ban ngành tỉnh và cấp tương đương quyết định tiêu huỷ đối với tài sản có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định tiêu huỷ đối với tài sản có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện quản lý.

Chương III

QUẢN LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ CHỦ TÀI CHÍNH

Điều 14. Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính

Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính là đơn vị có đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp.

Điều 15. Quyết định giao tài sản nhà nước

1. Căn cứ vào điều kiện theo quy định của Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao tài sản nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan.

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước giao tài sản nhà nước là người nhận tài sản và chịu trách nhiệm trước Nhà nước trong việc bảo toàn, phát triển vốn, tài sản nhà nước được giao và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời gian đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao tài sản nhà nước, đơn vị tiếp tục thực hiện quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo các quy định của pháp luật áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động thường xuyên trước thời điểm Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước có hiệu lực thi hành.

Điều 16. Quyết định mua sắm tài sản

1. Việc sử dụng từ nguồn Ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 6 Chương II Quy định này.

2. Việc mua sắm tài sản là trụ sở làm việc, xe ô tô từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn huy động theo chế độ quy định thực hiện theo quy định tại Điều 6 Chương II Quy định này. Riêng việc mua sắm tài sản không phải là trụ sở làm việc, xe ô tô từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đơn vị do thủ trưởng đơn vị quyết định phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 17. Quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi, điều chuyển đối với tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuộc tỉnh quản lý.

2. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan Tài chính và các cơ quan liên quan cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thu hồi, điều chuyển đối với tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuộc huyện quản lý.

Điều 18. Quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản nhà nước

1. Thẩm quyền quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thực hiện theo khoản 1 và khoản 3 Điều 11; khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 12 và khoản 1, khoản 3 Điều 13 Chương II Quy định này.

2. Thủ trưởng đơn vị quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 19. Quyết định sử dụng tài sản nhà nước dùng vào mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sử dụng trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp; ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản vào mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

2. Thủ trưởng đơn vị quyết định việc sử dụng tài sản nhà nước không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này vào mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Điều 20. Quyết định sử dụng tài sản nhà nước dùng vào mục đích cho thuê

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sử dụng trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp; ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản vào mục đích cho thuê.

2. Thủ trưởng đơn vị quyết định việc sử dụng tài sản nhà nước không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này vào mục đích cho thuê.

Điều 21. Quyết định sử dụng tài sản nhà nước dùng vào mục đích liên doanh, liên kết

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích liên doanh, liên kết trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VIỆC QUẢN
LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Điều 22. Trách nhiệm thực hiện quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

1.1/ Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên phạm vi toàn tỉnh;

1.2/ Tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật và Quy định này;

1.3/ Tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên phạm vi toàn tỉnh theo quy định của pháp luật và Quy định này.

2. Các Sở, Ban ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm:

2.1/ Thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo đúng quy định của pháp luật và Quy định này;

2.2/ Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và Quy định này.

Điều 23. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2. Sử dụng tài sản nhà nước đúng tiêu chuẩn, định mức; đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả.

3. Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và chế độ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản thuộc phạm vi quản lý. Công khai tiêu chuẩn, định mức tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của cơ quan, đơn vị.

4. Thực hiện đăng ký, báo cáo tài sản nhà nước theo đúng quy định.

5. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng Sở, Ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan liên quan có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có gì vướng mắc, phát sinh thì các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để xem xét xử lý hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Huế